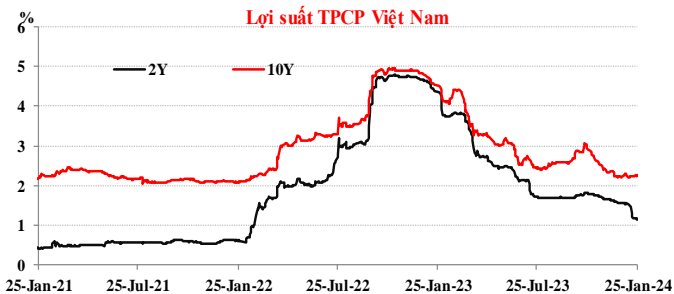


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.17	-0.01	5.14	0.02	3Y	1.19	-0.004
1W	0.29	0.00	5.25	0.02	5Y	1.37	0.034
2W	0.50	0.00	5.31	0.02	7Y	1.80	0.031
1M	1.11	0.01	5.40	0.01	10Y	2.25	0.032
2M	2.64	-0.06	5.48	0.00	15Y	2.44	0.015
3M	2.80	-0.02	5.57	0.01			
6M	4.47	0.00	5.63	-0.01			
9M	4.98	0.00	5.74	0.04			
1Y	5.38	0.01	5.79	0.05			

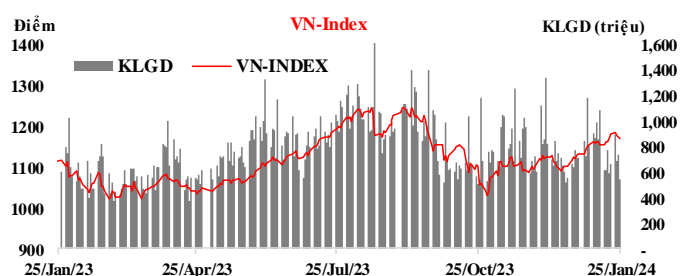


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 25/01/2024

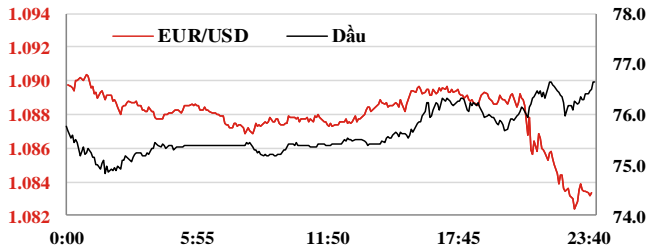
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
<b>Tổng</b>					

Chứng khoán ngày 25/01/2024

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1170.37	228.52	87.68
%/ngày	-0.22%	-0.004%	0.05%
%/30/12/2022	16.21%	11.3%	22.4%
KLGD (tr.d.vị)	540.54	42.55	24.8
GTGD (tỷ đ)	11361.88	713.08	328.50
NĐINN mua (tỷ đ)	734.77	22.65	22.83
NĐINN bán (tỷ đ)	918.54	13.43	13.93


**Tin trong nước ngày 25/01**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 25/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.031 VND/USD, chỉ tăng 01 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.182 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.606 VND/USD, tăng nhẹ 06 đồng so với phiên 24/01. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 70 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.070 VND/USD và 25.120 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 25/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn ON trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 2W, tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,17%; 1W 0,29%; 2W 0,50% và 1M 1,11%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,14%; 1W 5,25%; 2W 5,31%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 3Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,19%; 5Y 1,37%; 7Y 1,80%; 10Y 2,25%; 15Y 2,44%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên hôm qua diễn biến khá âm ảm khi các chỉ số chính giảm điểm và thanh khoản ở mức thấp. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tiếp tục giảm 2,60 điểm (-0,22%) về mức 1.170,37 điểm; HNX-Index mất 0,01 điểm (-0,004%) xuống 228,52 điểm; UPCoM-Index nhích nhẹ 0,04 điểm (+0,05%) lên 87,68 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm với giá trị giao dịch trên 12.400 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng gần 166 tỷ đồng.
- Ngày 25/01, liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu.** Cụ thể, xăng E5RON92: không cao hơn 22.171 đồng/lít (tăng 753 đồng/lít so với giá cơ sở hiện hành), thấp hơn xăng RON95-III 1.236 đồng/lít; xăng RON95-III: 23.407 đồng/lít (tăng 925 đồng/lít); dầu diesel 0.05S: 20.376 đồng/lít (tăng 182 đồng/lít); dầu hỏa: 20.544 đồng/lít (tăng 08 đồng/lít); dầu madút 180CST 3.5S: 15.494 đồng/kg (giảm 14 đồng/kg).



	25 Jan 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	103.57	0.33%	0.04%	2.21%
USD/CNY	7.17	0.24%	-0.38%	1.00%
USD/EUR	0.92	0.34%	0.26%	1.75%
USD/JPY	147.65	0.10%	-0.34%	4.67%
USD/KRW	1336.27	0.32%	-0.16%	3.23%
USD/SGD	1.34	0.06%	-0.27%	1.60%
USD/TWD	31.33	0.11%	-0.62%	2.11%
USD/THB	35.73	0.03%	0.48%	4.02%
USD/VND Trung tâm	24031	0.00%	-0.04%	0.69%
USD/VND LNH	24606	0.02%	0.27%	1.47%
USD/VND tự do	25065	0.05%	0.78%	1.31%
Vàng	2019.75	0.36%	-0.14%	-2.08%
Dầu WTI	77.36	3.02%	4.43%	7.97%

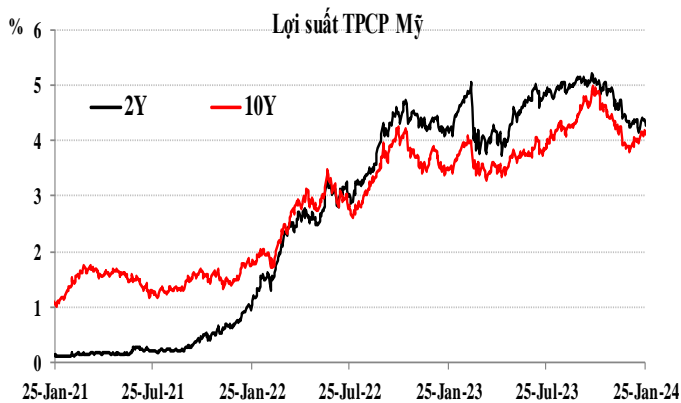
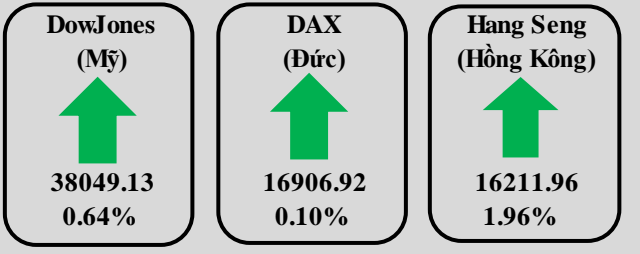
## Tin quốc tế

- Mỹ ghi nhận nhiều chỉ báo kinh tế quan trọng.** Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết GDP tại nước này tăng 3,3% q/q trong quý 4/2023, giảm tốc so với mức 4,9% của quý trước đó, tuy nhiên vượt nhiều so với dự báo chỉ tăng 2,0%. Như vậy, GDP của quốc gia này tăng khoảng 2,5% trong cả năm 2023. Tại thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 20/01 ở mức 214 nghìn đơn, tăng lên từ mức 187 nghìn đơn của tuần trước đó, đồng thời vượt qua mức 199 nghìn đơn theo dự báo. Số đơn bình quân trong 4 tuần gần nhất ở mức 202,5 nghìn đơn, giảm nhẹ 1,5 nghìn so với 4 tuần trước đó. Tiếp theo, giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi tại Mỹ tăng 0,6% m/m trong tháng 12, nối tiếp đà tăng 0,4% của tháng 11 và đồng thời cao hơn mức tăng 0,2% theo dự báo. Tuy nhiên, giá trị hàng hóa lâu bền toàn phần đi ngang (0,0% m/m) trong tháng 12 sau khi tăng mạnh 5,5% ở tháng 11, trái với dự báo tiếp tục tăng 1,2%.

- NHTW Châu Âu ECB không thay đổi LSCS trong cuộc họp đầu năm.** Trong phiên họp ngày hôm qua 25/01, ECB nhận định lạm phát tại khu vực Eurozone đang trong quá trình hạ nhiệt, tuy nhiên vẫn ở mức cao. Cơ quan này tái khẳng định sẽ đưa lạm phát về ngưỡng mục tiêu trung hạn 2,0% một cách kịp thời, tránh để các rủi ro dai dẳng đối với người tiêu dùng và nền kinh tế. Theo đó, ECB quyết định không thay đổi LSCS trong cuộc họp lần này nhằm đạt được mục tiêu nêu trên. LS tái cấp vốn, LS cho vay cận biên và LS tiền gửi tại ECB đang lần lượt ở mức 4,5%; 4,75% và 4,0%, được cơ quan này áp dụng bắt đầu từ ngày 20/09/2023. ECB cho biết sẽ đảm bảo LSCS được đặt ở mức đủ hạn chế trong thời gian cần thiết. Bên cạnh đó, ECB sẽ tiếp tục dựa trên dữ liệu lạm phát và kinh tế để đưa ra các quyết định tiếp theo liên quan đến LSCS.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
25-01	20:15	***	LSCS NHTW Châu Âu ECB	4,5	4,5	4,5
25-01	20:30	***	GDP Mỹ qq Q4	3,3	2	4,9
25-01	20:30	***	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ w/e	214K	199K	187K
25-01	20:30	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi Mỹ mm T12	0,6	0,2	0,4
25-01	20:30	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền toàn phần Mỹ mm T12	0,0	1,2	5,5
26-01	20:30	***	PCE lõi Mỹ mm T12		0,2	0,1
26-01	20:30	**	Doanh số nhà chờ bán tại Mỹ mm T12		2,1	0,0



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	31/1/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	1/2/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/2/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	6/2/2024

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index tiếp tục giảm, đóng cửa tại 1.170,37 điểm. Thị trường tiếp tục đi xuống phiên thứ 3 liên tiếp, tuy nhiên, khối lượng giao dịch ở mức tương đối thấp cho thấy không có áp lực bán tháo trong phiên hôm qua. VN-Index đang cho thấy sự cân bằng sớm quanh ngưỡng 1170 điểm, tích lũy trở lại trước khi tiếp diễn đà tăng trong trung hạn.

### NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)